

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN KHOA HỌC THEO HƯỚNG TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VĂN YÊN, PHƯỜNG HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thị Thanh Huyền

Trường Tiểu học Văn Yên, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

Tóm tắt: Quản lý xây dựng kế hoạch bài dạy môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin ở trường tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số hiện nay là hoạt động quản lý có vai trò quan trọng và trở thành yêu cầu tất yếu, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học, nhằm phát triển năng lực người học. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch bài dạy môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin tại trường Tiểu học Văn Yên, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội về lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá cho thấy, các hoạt động thực hiện ở mức khá, tuy nhiên một số hoạt động chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình. Thực trạng này là cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả đề xuất một số biện pháp quản lý xây dựng kế hoạch bài dạy môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin tại Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn học, góp phần quan trọng vào việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Từ khóa: Môn Khoa học; quản lý; xây dựng kế hoạch bài dạy; ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhận bài ngày: 10.12.2025 gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 29.01.2026

Liên hệ tác giả: Phan Thị Thanh Huyền, email: phanthithanhhuyen110@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong dạy học, kế hoạch bài dạy (KHBD) có vai trò quan trọng, ảnh hưởng rất lớn tới quá trình tổ chức dạy của giáo viên và quá trình học tập của học sinh nhằm đạt được mục tiêu dạy học. KHBD giúp vạch ra hướng đi rõ ràng cho cả giáo viên (GV) và học sinh, giúp các hoạt động học tập của học sinh được hướng đích phù hợp. Xây dựng KHBD có tác dụng chỉ rõ mục tiêu và mà học sinh cần đạt được qua bài học (Bộ GD&ĐT, 2018).

Môn Khoa học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh tình yêu con người, thiên nhiên; trí tưởng tượng khoa học, hứng thú tìm hiểu thế giới tự nhiên; ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống. Môn học góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn học góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học tự nhiên, giúp các em có những hiểu biết ban đầu về thế giới tự nhiên, bước đầu có kỹ năng tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh và khả năng vận dụng kiến thức để giải thích các sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống, ứng xử phù hợp bảo vệ sức khỏe của bản thân và những người khác, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường xung quanh (Bộ GD&ĐT, 2018). Thực hiện mục tiêu này, các trường tiểu học cần phải tổ chức tốt các hoạt động dạy học, trước hết cần phải chú trọng khâu xây dựng KHBD. Vì vậy xây dựng và quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học là vô cùng quan trọng trong hoạt động dạy học của các trường tiểu học.

Trong những năm gần đây, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, trường Tiểu học

Văn Yên, phường Hà Đông luôn quan tâm đến hoạt động dạy học theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT). Hoạt động này được bắt đầu từ khâu xây dựng KHBD. Ban giám hiệu nhà trường, đặc biệt là hiệu trưởng, đã có những định hướng chiến lược trong việc thúc đẩy tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy học. Các buổi tập huấn, hội thảo nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT cho GV được tổ chức thường xuyên, giúp đội ngũ GV tự tin áp dụng CNTT trong xây dựng KHBD. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, hoạt động xây dựng và quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học của nhà trường vẫn tồn tại một số hạn chế, cần có các biện pháp quản lý phù hợp hơn nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Với ý nghĩa này chúng tôi tiến hành tìm hiểu về thực trạng quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại trường Tiểu học Văn Yên, thành phố Hà Nội.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận của quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin ở trường tiểu học

2.1.1. Khái niệm

Kế hoạch dạy học môn Khoa học sẽ được cụ thể hóa và được thực hiện thông qua xây dựng và triển khai các kế hoạch dạy học chủ đề/ bài học ở từng khối lớp. Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực; phân bổ các chủ đề, nội dung, thời lượng; các định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá trong Kế hoạch dạy học môn Khoa học; căn cứ vào nhu cầu, điều kiện cụ thể; giáo viên sẽ xây dựng kế hoạch dạy học cho mỗi chủ đề/ bài học đảm bảo tính khả thi, phù hợp, hiệu quả (Ngân hàng Thế giới, 2020).

Xây dựng kế hoạch KHBD là xây dựng kế hoạch dạy học cụ thể cho một bài thể hiện mối quan hệ tương tác giữa giáo viên với học sinh (HS), giữa học sinh với học sinh nhằm giúp học sinh đạt được những mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học (Ngân hàng Thế giới, 2020).

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số, quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT ở trường tiểu học trở thành yêu cầu tất yếu, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, phát triển năng lực người học, đồng thời đổi mới phong cách giảng dạy của GV. Hoạt động này không chỉ đòi hỏi năng lực chuyên môn của từng cá nhân mà còn cần đến sự tổ chức, định hướng và hỗ trợ hiệu quả từ phía đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đặc biệt là tổ trưởng chuyên môn và ban giám hiệu nhà trường.

Theo tác giả Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc: “Hoạt động quản lý là các tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý (người quản lý) đến khách thể quản lý (người bị quản lý) trong một tổ chức nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích của tổ chức” (Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2014).

Quản lý xây dựng KHBD theo hướng ứng dụng CNTT bao gồm các nội dung như lập kế hoạch, tổ chức triển khai, chỉ đạo thực hiện và đánh giá hiệu quả việc xây dựng KHBD. Trên cơ sở đó, GV được hướng dẫn lựa chọn công cụ công nghệ phù hợp (như phần mềm soạn giảng, hệ thống trình chiếu, kho học liệu số, nền tảng học trực tuyến...), đồng thời đảm bảo nội dung bài dạy được triển khai linh hoạt, hấp dẫn và hiệu quả. Vai trò của nhà quản lý không chỉ là giám sát mà còn là người định hướng chiến lược, hỗ trợ chuyên môn, tạo điều kiện về thiết bị, hạ tầng, đồng thời xây dựng môi trường học tập đổi mới sáng tạo trong nhà trường.

Chúng tôi cho rằng, *quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý thông qua lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động xây dựng KHBD môn học để giáo viên thiết kế và thực hiện bài dạy hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực HS.*

2.1.2. Nội dung quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

- *Lập kế hoạch xây dựng KHBD*: lập kế hoạch không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược của nhà trường mà còn quyết định tính khả thi và hiệu quả thực tiễn trong quá trình triển khai giảng dạy. Lập kế hoạch cần được tiến hành một cách khoa học, cụ thể và linh hoạt, trong đó mỗi chủ thể quản lý có vai trò riêng biệt nhưng gắn kết chặt chẽ. Tổ trưởng chuyên môn cần thực hiện các nội dung

như: Nghiên cứu chương trình môn Khoa học, kế hoạch giáo dục của nhà trường, những định hướng trong đổi mới phương pháp giảng dạy ứng dụng CNTT để xây dựng KHBD; tổ chức đánh giá thực trạng kết quả dạy học môn Khoa học, tìm hiểu đối tượng HS để định hướng để xây dựng KHBD; xác định mục tiêu lập kế hoạch; xác định nội dung, cách thức và các điều kiện xây dựng KHBD; xác định chủ đề bài học phù hợp để ứng dụng CNTT, xây dựng khung bài dạy mẫu, thảo luận phương án sử dụng phần mềm, thiết bị, học liệu số; dự thảo kế hoạch xây dựng KHBD; hoàn thiện và phổ biến kế hoạch xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT.

- *Tổ chức xây dựng KHBD*: Sau khi lập kế hoạch, tổ chuyên môn cần triển khai các hoạt động cụ thể nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra. Một số nội dung tổ chức cụ thể bao gồm: Tổ chức phổ biến các văn bản chỉ đạo, triển khai xây dựng KHBD nói chung, bài dạy môn Khoa học nói riêng, những yêu cầu về ứng dụng CNTT trong giảng dạy; phân công nhiệm vụ rõ ràng cho GV thiết kế kế hoạch dạy học bài dạy dựa trên nội dung chương trình dạy học môn Khoa học; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học để thực hiện xây dựng KHBD; tổ chức tập huấn, hướng dẫn GV sử dụng phần mềm giảng dạy, thiết bị công nghệ và các nền tảng trực tuyến phục vụ cho việc xây dựng KHBD; tổ chức bồi dưỡng năng lực xây dựng KHBD, KHBD; tổ chức tiết dạy minh họa được xây dựng theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT, để nhân rộng, từ đó tạo thành phong trào đổi mới sáng tạo bền vững trong toàn trường; tổ chức đánh giá KHBD.

- *Chỉ đạo xây dựng KHBD*: Chỉ đạo xây dựng KHBD môn Khoa học là hoạt động có tính chất quyết định trong việc triển khai hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học. Đây là quá trình định hướng, điều hành nhằm đảm bảo việc xây dựng KHBD phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông 2018, phát huy tối đa tiềm năng của CNTT trong nâng cao chất lượng dạy học. Công tác chỉ đạo này bao gồm một số nội dung trọng tâm sau: Chỉ đạo GV thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp quản lý về xây dựng kế hoạch dạy học bài dạy; chỉ đạo GV dựa trên kế hoạch dạy học môn học, thiết kế kế hoạch dạy học bài dạy; chỉ đạo GV thiết kế các chủ đề học tập tăng cường sử dụng CNTT, các phần mềm giảng dạy, học tập; chỉ đạo GV thiết kế kế hoạch dạy học bài dạy tạo môi trường học tập thuận lợi, khuyến khích HS ứng dụng CNTT; khuyến khích, động viên GV sử dụng các công cụ công nghệ để thiết kế bài dạy khoa học, hấp dẫn và thực tiễn; chỉ đạo GV đánh giá kết quả xây dựng KHBD; chỉ đạo GV lưu trữ, có thể chia sẻ những bài dạy đã được xây dựng, rà soát, đánh giá trên nền tảng số để phục vụ cho hoạt động học hỏi, tham khảo.

- *Kiểm tra, đánh giá xây dựng KHBD*: Kiểm tra, đánh giá là khâu cuối cùng nhưng có ý nghĩa then chốt trong quá trình quản lý. Đây không chỉ là hoạt động mang tính chất giám sát, điều chỉnh mà còn nhằm đảm bảo chất lượng chuyên môn, tính thực tiễn và hiệu quả sư phạm của KHBD đã được xây dựng và triển khai. Công tác này cần được thực hiện khoa học, linh hoạt, với những nội dung chủ yếu như: Xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kế hoạch dạy học bài dạy; lập kế hoạch đánh giá, rà soát KHBD; tổ chức đánh giá, rà soát các nội dung KHBD theo tiêu chí cụ thể đã xây dựng; Tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá KHBD để có những điều chỉnh; phản hồi kịp thời các điểm mạnh, hạn chế của KHBD để GV điều chỉnh kế hoạch; điều chỉnh kế hoạch dạy học bài sau kiểm tra, đánh giá.

2.2. Thực trạng quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại Trường Tiểu học Văn Yên, thành phố Hà Nội

Trên cơ sở lý luận đã nghiên cứu, để đánh giá thực trạng quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại Trường Tiểu học Văn Yên, thành phố Hà Nội, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, điều tra 41 cán bộ quản lý (CBQL), GV của nhà trường.

Các nội dung khảo sát được thực hiện như đã đề cập tại mục 2.1.2. áp dụng cụ thể đối với Trường Tiểu học Văn Yên, thành phố Hà Nội.

Phương pháp và hình thức khảo sát: Sử dụng bảng hỏi với thang đo Likert với 5 mức độ. Giá trị trung bình = $(\text{Max} - \text{Min})/N = (5 - 1)/5 = 0.8$, tương ứng với các khoảng điểm trung bình (ĐTB) như sau: $1.0 \leq \text{ĐTB} < 1.8$ (Kém); $1.8 \leq \text{ĐTB} < 2.6$ (Yếu); $2.6 \leq \text{ĐTB} < 3.4$ (Trung bình); $3.4 \leq \text{ĐTB} < 4.2$ (Khá); $4.2 \leq \text{ĐTB} \leq 5.0$ (Tốt). Xử lý số liệu phiếu trên phần mềm Excel. Ngoài ra, để hỗ trợ cho kết quả khảo sát định lượng, phương pháp phỏng vấn cũng được sử dụng đối với khách thể là CBQL, GV.

Phân tích kết quả khảo sát được dựa trên số liệu thống kê và thông tin thu được qua quan sát, phỏng vấn các khách thể khảo sát tại địa bàn nghiên cứu.

2.2.1. Thực trạng lập kế hoạch xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại trường Tiểu học Văn Yên, thành phố Hà Nội

Bảng 1. Thực trạng mức độ thực hiện lập kế hoạch tại địa bàn nghiên cứu

| TT | Mức độ Nội dung | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | | Xtb | Thứ bậc |
|----|--|-----|------|-----|------|----|------|-----|-----|-----|-----|------|------------|
| | | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | | |
| 1 | Nghiên cứu chương trình môn Khoa học, KHGD của nhà trường, những định hướng trong ĐMPP giảng dạy ứng dụng CNTT để xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 10 | 24.4 | 18 | 43.9 | 9 | 22 | 3 | 7.3 | 1 | 2.4 | 4.02 | 2 |
| 2 | Tổ chức đánh giá thực trạng KQDH môn Khoa học, tìm hiểu đối tượng HS để định hướng để xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 8 | 19.5 | 19 | 46.3 | 10 | 24.4 | 4 | 9.8 | 0 | 0.0 | 3.86 | 4 |
| 3 | Xác định mục tiêu lập kế hoạch xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 9 | 22.0 | 20 | 48.8 | 8 | 19.5 | 3 | 7.3 | 1 | 2.4 | 4.04 | 1 |
| 4 | Xác định nội dung, cách thức và các điều kiện xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 7 | 17.1 | 18 | 43.9 | 11 | 26.8 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.74 | 6 |

| | | | | | | | | | | | | | |
|------------|---|---|------|----|------|----|------|---|------|---|-----|-------------|---|
| 5 | Xác định chủ đề bài học phù hợp đề ứng dụng CNTT, xây dựng khung bài dạy mẫu, thảo luận phương án sử dụng phần mềm, thiết bị, học liệu số,... | 9 | 22.0 | 17 | 41.5 | 10 | 24.4 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.89 | 3 |
| 6 | Dự thảo kế hoạch xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 6 | 14.6 | 18 | 43.9 | 11 | 26.8 | 5 | 12.2 | 1 | 2.4 | 3.66 | 7 |
| 7 | Hoàn thiện và phổ biến kế hoạch xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 8 | 19.5 | 19 | 46.3 | 9 | 22.0 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.8 | 5 |
| TBC | | | | | | | | | | | | 3.86 | |

Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 1 cho thấy, lập kế hoạch xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại trường Tiểu học Văn Yên được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình chung đạt 3.86. Trong tổng số 41 cán bộ quản lý và GV tham gia khảo sát, có tới 64,8% đánh giá ở mức “tốt” và “khá”, chỉ khoảng 10,8% cho rằng hoạt động này còn “yếu, kém”. Điều đó phản ánh rõ ràng nhận thức tích cực và sự chủ động của đội ngũ GV trong việc đổi mới tư duy lập KHBD gắn với ứng dụng công nghệ - một yêu cầu thiết yếu trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

Trong các nội dung được khảo sát, “Xác định mục tiêu lập KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT” đạt ĐTB cao nhất (4.04), với 70,8% ý kiến ở mức khá. Kết quả này cho thấy GV đã hiểu rõ định hướng của Chương trình GDPT 2018, biết cách xác định mục tiêu bài học phù hợp, đồng thời gắn kết công nghệ với việc phát triển năng lực khoa học và năng lực số cho HS. Trao đổi với một CBQL của nhà trường, cô giáo N.T.P cho rằng: “GV hiện nay đã có ý thức rõ hơn trong việc đặt ra mục tiêu dạy học có yếu tố công nghệ, không chỉ dừng ở trình chiếu PowerPoint mà còn hướng tới các hoạt động tương tác, trải nghiệm số của HS”. Bên cạnh đó, nội dung “Nghiên cứu chương trình và định hướng đổi mới phương pháp dạy học ứng dụng CNTT” cũng đạt ĐTB 4.02, xếp thứ 2. Điều này cho thấy sự quan tâm và nỗ lực của GV trong việc tiếp cận, cập nhật các định hướng đổi mới và vận dụng CNTT vào từng bài dạy cụ thể. Tuy nhiên, một số nội dung như “Dự thảo kế hoạch xây dựng bài dạy” (ĐTB 3.66) và “Xác định nội dung, cách thức và điều kiện xây dựng kế hoạch” (ĐTB 3.74) vẫn ở mức thấp hơn. Cô giáo N.T.T.T chia sẻ: “Dù có hứng thú với việc ứng dụng CNTT, nhưng khi triển khai thực tế, chúng tôi gặp khó ở khâu lên kế hoạch chi tiết và phối hợp công cụ số sao cho phù hợp với từng bài học”.

Nhìn chung, bảng kết quả cho thấy lập kế hoạch xây dựng bài dạy môn Khoa học theo hướng ứng dụng CNTT tại Trường Tiểu học Văn Yên đã đạt hiệu quả tương đối tốt, thể hiện qua tỉ lệ cao các đánh giá tích cực và điểm trung bình ổn định ở mức khá cao. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng, nhà trường cần tăng cường các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn kỹ năng lập KHBD cho giáo viên theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT, giúp GV thành thạo hơn trong việc sử dụng CNTT thiết kế, điều chỉnh và hoàn thiện KHBD phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2.2.2. Thực trạng tổ chức xây dựng KHBD môn KH theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT

Bảng 22. Thực trạng tổ chức xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại trường Tiểu học Văn Yên

| TT | Mức độ Nội dung | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | | Xtb | Thứ bậc |
|----|--|-----|------|-----|------|----|------|-----|-----|-----|-----|------|------------|
| | | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | | |
| 1 | Tổ chức phổ biến các văn bản chỉ đạo, triển khai xây dựng KHBD nói chung, bài dạy môn Khoa học nói riêng, những yêu cầu về ứng dụng CNTT trong giảng dạy các môn học | 9 | 22.0 | 20 | 48.8 | 9 | 22.0 | 3 | 7.3 | 0 | 0 | 4.04 | 1 |
| 2 | Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho GV thiết kế KHDH bài dạy dựa trên nội dung chương trình dạy học môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 8 | 19.5 | 19 | 46.3 | 9 | 22.0 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.88 | 3 |
| 3 | Tổ chức SHCM theo hướng NCBH để thực hiện xây dựng KHBD theo hướng theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 7 | 17.1 | 18 | 43.9 | 11 | 26.8 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.76 | 5 |
| 4 | Tổ chức tập huấn, hướng dẫn GV sử dụng phần mềm giảng dạy, thiết bị công nghệ và các nền tảng trực tuyến phục vụ cho việc xây dựng KHBD. | 10 | 24.4 | 17 | 41.5 | 10 | 24.4 | 3 | 7.3 | 1 | 2.4 | 4.0 | 2 |
| 5 | Tổ chức bồi dưỡng năng lực xây dựng KHBD, KHBD môn Khoa học theo hướng theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 8 | 19.5 | 18 | 43.9 | 10 | 24.4 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.84 | 4 |

| | | | | | | | | | | | | | |
|------------|--|---|------|----|------|----|------|---|------|---|-----|-------------|---|
| 6 | Tổ chức tiết dạy minh họa được xây dựng theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT, đề nhân rộng, từ đó tạo thành phong trào đổi mới sáng tạo bền vững trong toàn trường. | 6 | 14.6 | 17 | 41.5 | 12 | 29.3 | 5 | 12.2 | 1 | 2.4 | 3.65 | 6 |
| 7 | Tổ chức đánh giá KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 7 | 17.1 | 16 | 39 | 11 | 26.8 | 5 | 12.2 | 2 | 4.9 | 3.54 | 7 |
| TBC | | | | | | | | | | | | 3.82 | |

Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 2 cho thấy, tổ chức xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại Trường Tiểu học Văn Yên được triển khai khá đồng bộ và hiệu quả, với điểm trung bình chung đạt 3.82, nằm trong mức khá. Điều này cho thấy, nhận thức và hành động của đội ngũ CBQL, GV về việc đổi mới dạy học theo hướng ứng dụng CNTT đã có chuyển biến rõ rệt, phản ánh từ sự quyết tâm trong việc tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng ứng dụng CNTT nhằm mục tiêu dạy học của nhà trường. Nội dung khảo sát 1 đạt ĐTB 4.04, xếp thứ nhất, với gần 71% ý kiến đánh giá ở mức “tốt” và “khá”. Đây là minh chứng cho sự chỉ đạo kịp thời, rõ ràng và sự thống nhất trong điều hành của Ban Giám hiệu, giúp GV nắm chắc định hướng đổi mới và yêu cầu ứng dụng CNTT trong chương trình GDPT 2018. Nội dung 4 đạt ĐTB 4.00, xếp thứ hai. Kết quả này phản ánh sự chủ động của nhà trường trong việc bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT trong giảng dạy cho GV nói chung, trong thiết kế bài dạy nói riêng, giúp họ sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ phục vụ HĐDH của giáo viên.

Tuy nhiên, nội dung 6 có ĐTB=3.65 và nội dung 7 có ĐTB=3.54 lại có điểm thấp nhất, cho thấy hoạt động nhân rộng và phản biện kế hoạch vẫn còn hạn chế.

Như vậy, kết quả khảo sát phản ánh nhà trường đã thực hiện khá tốt tổ chức, song cần tăng cường hoạt động thực hành, đánh giá, nhân rộng mô hình dạy học minh họa, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và tính lan tỏa của việc ứng dụng CNTT trong xây dựng KHBD môn Khoa học.

2.2.3. Thực trạng chỉ đạo xây dựng KHBD môn KH theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT

Bảng 3. Thực trạng chỉ đạo xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại trường Tiểu học Văn Yên

| TT | Mức độ Nội dung | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | | Xtb | Thứ bậc |
|----|---|-----|------|-----|------|----|------|-----|-----|-----|-----|------|---------|
| | | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | | |
| 1 | Chỉ đạo GV thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp quản lý về xây dựng KHDG bài dạy, tăng cường ứng dụng CNTT | 10 | 24.4 | 19 | 46.3 | 8 | 19.5 | 3 | 7.3 | 1 | 2.4 | 4.05 | 1 |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|------|----|------|----|------|---|------|---|-----|------|----------|--|
| | trong DH các môn học, trong đó có môn Khoa học | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chỉ đạo giáo viên dựa trên kế hoạch dạy môn học, thiết kế KHDH bài dạy môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 9 | 22.0 | 18 | 43.9 | 10 | 24.4 | 3 | 7.3 | 1 | 2.4 | 3.92 | 3 | |
| 3 | Chỉ đạo giáo viên thiết kế các chủ đề học tập tăng cường sử dụng CNTT, các phần mềm giảng dạy, học tập môn Khoa học | 8 | 19.5 | 19 | 46.3 | 9 | 22.0 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.88 | 4 | |
| 4 | Chỉ đạo giáo viên thiết kế KHDH bài dạy môn Khoa học tạo môi trường học tập thuận lợi, khuyến khích HS ứng dụng CNTT | 7 | 17.1 | 19 | 46.3 | 10 | 24.4 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.82 | 5 | |
| 5 | Khuyến khích, động viên GV sử dụng các công cụ công nghệ như trình chiếu, mô phỏng, phần mềm tương tác để thiết kế bài dạy khoa học, hấp dẫn và thực tiễn | 9 | 22.0 | 17 | 41.5 | 10 | 24.4 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.95 | 2 | |
| 6 | Chỉ đạo giáo viên đánh giá kết quả xây dựng xây dựng KHBD theo hướng theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 7 | 17.1 | 16 | 39.0 | 11 | 26.8 | 5 | 12.2 | 2 | 4.9 | 3.63 | 6 | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|------------|--|---|------|----|------|----|------|---|------|---|-----|-------------|---|
| 7 | Chỉ đạo giáo viên lưu trữ, có thể chia sẻ những bài dạy đã được xây dựng, rà soát, đánh giá trên nền tảng số để phục vụ cho hoạt động học hỏi, tham khảo | 6 | 14.6 | 15 | 36.6 | 13 | 31.7 | 5 | 12.2 | 2 | 4.9 | 3.52 | 7 |
| TBC | | | | | | | | | | | | 3.82 | |

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, chỉ đạo xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại Trường Tiểu học Văn Yên đạt mức khá, với điểm trung bình chung đạt 3.82. Điều này phản ánh sự quan tâm sâu sát của Ban Giám hiệu và tổ chuyên môn trong việc hướng dẫn, định hướng và hỗ trợ GV triển khai hiệu quả các yêu cầu đổi mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Nội dung “Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp quản lý về xây dựng kế hoạch dạy học bài dạy, tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học các môn học, trong đó có môn Khoa học” có ĐTB 4.05, xếp thứ nhất, cho thấy công tác phổ biến và thực hiện văn bản được tiến hành bài bản, nghiêm túc. Bên cạnh đó, “Khuyến khích GV sử dụng công cụ công nghệ như trình chiếu, mô phỏng, phần mềm tương tác để thiết kế bài dạy khoa học, hấp dẫn và thực tiễn” đạt ĐTB 3.95, đứng thứ hai, phản ánh sự quan tâm của Ban Giám hiệu trong việc thúc đẩy GV áp dụng công nghệ mới nhằm làm phong phú hình thức tổ chức dạy học. Ở chiều ngược lại, các nội dung “Chỉ đạo giáo viên lưu trữ, có thể chia sẻ những bài dạy đã được xây dựng, rà soát, đánh giá trên nền tảng số để phục vụ cho hoạt động học hỏi, tham khảo” (ĐTB 3.52) và “Chỉ đạo giáo viên đánh giá kết quả xây dựng KHBD theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT” (ĐTB 3.63) có điểm trung bình thấp hơn, cho thấy hoạt động chia sẻ học liệu và phản biện chuyên môn trên môi trường số vẫn còn hạn chế.

Nhìn chung, kết quả này phản ánh vai trò định hướng và giám sát của Ban Giám hiệu nhà trường đã được phát huy, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT. Tuy nhiên, nhà trường cần đẩy mạnh hoạt động lưu trữ, chia sẻ và đánh giá bài dạy trên nền tảng số, giúp tạo môi trường học hỏi chuyên môn bền vững, góp phần hình thành văn hóa đổi mới và hợp tác trong dạy học thời kỳ chuyển đổi số.

2.2.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Bảng 4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại trường Tiểu học Văn Yên

| TT | Nội dung | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | | Xtb | Thứ bậc |
|----|--|-----|------|-----|------|----|------|-----|-----|-----|-----|------|---------|
| | | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | | |
| 1 | Xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kế hoạch dạy học bài dạy môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 9 | 22.0 | 18 | 43.9 | 10 | 24.4 | 3 | 7.3 | 1 | 2.4 | 3.95 | 1 |
| 2 | Lập kế hoạch đánh giá, rà soát KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT | 8 | 19.5 | 17 | 41.5 | 11 | 26.8 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.85 | 3 |

| | | | | | | | | | | | | | |
|------------|---|---|------|----|------|----|------|---|------|---|-----|-------------|---|
| 3 | Tổ chức đánh giá, rà soát các nội dung KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT theo tiêu chí cụ thể đã xây dựng | 7 | 17.1 | 18 | 43.9 | 10 | 24.4 | 5 | 12.2 | 1 | 2.4 | 3.77 | 4 |
| 4 | Tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT để có những điều chỉnh | 8 | 19.5 | 19 | 46.3 | 9 | 22.0 | 4 | 9.8 | 1 | 2.4 | 3.9 | 2 |
| 5 | Phản hồi kịp thời các điểm mạnh, hạn chế của KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT để GV điều chỉnh kế hoạch | 6 | 14.6 | 18 | 43.9 | 11 | 26.8 | 4 | 9.8 | 2 | 4.9 | 3.7 | 5 |
| 6 | Điều chỉnh kế hoạch dạy học bài dạy môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT sau kiểm tra, đánh giá | 6 | 14.6 | 16 | 39.0 | 12 | 29.3 | 5 | 12.2 | 2 | 4.9 | 3.58 | 6 |
| TBC | | | | | | | | | | | | 3.79 | |

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy: kiểm tra và đánh giá xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại Trường Tiểu học Văn Yên đạt mức khá, với điểm trung bình chung là 3.79. Phần lớn cán bộ quản lý và GV đều cho rằng việc kiểm tra, đánh giá đã được tiến hành thường xuyên, có hệ thống, góp phần điều chỉnh kịp thời chất lượng kế hoạch dạy học theo hướng ứng dụng công nghệ.

Trong đó, nội dung “Xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kế hoạch dạy học bài dạy môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT” đạt ĐTB 3.95, xếp thứ nhất, phản ánh sự rõ ràng, cụ thể trong quy trình đánh giá, giúp GV nắm bắt được yêu cầu và chuẩn mực khi lập kế hoạch. Tiếp theo là “Tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT để có những điều chỉnh” (ĐTB 3.90), cho thấy nhà trường đã có sự chú trọng đến việc phản hồi, rút kinh nghiệm từ kết quả kiểm tra, đảm bảo tính thực tiễn trong việc điều chỉnh kế hoạch dạy học. Tuy nhiên, nội dung “Điều chỉnh kế hoạch dạy học bài dạy môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT sau kiểm tra, đánh giá” chỉ đạt ĐTB 3.58, xếp thứ sáu, cho thấy việc phản hồi và áp dụng kết quả kiểm tra vào điều chỉnh thực tế vẫn chưa đồng đều giữa các GV. Một số GV vẫn còn lúng túng khi chuyển hóa góp ý thành hành động cụ thể. Cô giáo N.T.H.H, cán bộ quản lý nhà trường chia sẻ: “Sau khi kiểm tra, tổ chuyên môn đều góp ý chi tiết, nhưng không phải GV nào cũng đủ kỹ năng để chỉnh sửa kế hoạch theo hướng tối ưu hóa việc ứng dụng CNTT trong thiết kế KHBD”.

Nhìn chung, kết quả bảng cho thấy nhà trường đã có quy trình kiểm tra - đánh giá bài bản, minh bạch và mang tính xây dựng, giúp nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng chuyên môn cho GV trong việc thiết kế KHBD. Tuy nhiên, cần đẩy mạnh khâu điều chỉnh và phản hồi cá nhân hóa, đồng thời tăng cường bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học nói

chung, trong thiết kế KHBD môn Khoa học nói riêng cho giáo viên để đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong toàn bộ chu trình kiểm tra, đánh giá kế hoạch dạy học.

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Điểm mạnh và nguyên nhân

Thứ nhất, cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên quán triệt các văn bản chỉ đạo của ngành, đồng thời cụ thể hóa thành kế hoạch hành động phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Nhà trường chủ động tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, triển khai các tiết dạy minh họa, tập huấn kỹ năng công nghệ cho GV, qua đó tạo môi trường học hỏi và lan tỏa tinh thần đổi mới trong toàn trường. Chính sự chỉ đạo chặt chẽ nhưng không áp đặt đã giúp đội ngũ GV phát huy được tính sáng tạo, chủ động và tinh thần tự học, tự bồi dưỡng năng lực số.

Thứ hai, nhà trường đã triển khai hoạt động quản lý một cách bài bản, đồng bộ ở cả bốn khâu: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá, góp phần thúc đẩy việc ứng dụng CNTT vào thiết kế kế hoạch dạy học môn học đạt hiệu quả rõ rệt, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học của trường. Trong đó khâu lập kế hoạch được thực hiện tốt nhất, tạo nền tảng cho việc tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá

Những kết quả tích cực nêu trên có được là nhờ sự thống nhất trong định hướng phát triển của Ban Giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn; tinh thần cầu tiến của đội ngũ GV, cùng với chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong giáo dục của ngành được triển khai hiệu quả tại địa phương. Đặc biệt, văn hóa học tập và đổi mới sáng tạo đã trở thành nét đặc trưng trong hoạt động chuyên môn của Trường Tiểu học Văn Yên - nơi mà mỗi GV không chỉ là người thực hiện mà còn là người kiến tạo tri thức, góp phần xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, linh hoạt, phù hợp với xu thế dạy học thông minh trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.3.2. Điểm yếu và nguyên nhân

Thứ nhất, hoạt động lập kế hoạch và điều chỉnh KHBD chưa thật sự đồng bộ và có chiều sâu. Công tác rà soát và hoàn thiện KHBD sau khi kiểm tra cũng chưa được coi trọng đúng mức, dẫn đến tình trạng các kế hoạch chưa được cập nhật thường xuyên theo hướng tối ưu hóa việc ứng dụng công nghệ. Điều này xuất phát từ tâm lý ngại đổi mới của một bộ phận GV, áp lực thời gian và thiếu cơ chế phản hồi hai chiều giữa tổ chuyên môn và GV.

Thứ hai, công tác tổ chức, kiểm tra và đánh giá KHBD theo hướng ứng dụng CNTT vẫn còn hình thức, chưa phát huy hết tính phản biện và hỗ trợ chuyên môn. Việc phản hồi sau đánh giá chưa mang tính cá nhân hóa, khiến nhiều GV chưa thấy được định hướng cụ thể để cải thiện kế hoạch của mình. Nguyên nhân của tình trạng này đến từ thiếu nguồn lực chuyên gia công nghệ trong nhà trường và chưa có hệ thống lưu trữ, chia sẻ KHBD trên nền tảng số thống nhất.

Thứ ba, điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, dù đã được đầu tư, vẫn chưa thật sự ổn định và đồng bộ. Một số lớp học vẫn gặp tình trạng đường truyền internet yếu, thiết bị trình chiếu hoặc máy tính bị lỗi, gây gián đoạn trong tiết học.

3. KẾT LUẬN

Qua khảo sát CBQL, giáo viên trường trường Tiểu học Văn Yên, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội cho thấy, quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT được thực hiện ở mức khá. Các nội dung quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá xây dựng KHBD môn Khoa học theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT được nhà trường thực hiện khá tốt, với điểm trung bình từ 3,79 đến 3,86 và đã có góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả quản lý xây dựng KHBD môn Khoa học của nhà trường. Thực trạng này là cơ sở thực tiễn quan trọng để trường tiểu học Văn Yên đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn học, góp phần quan trọng vào việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học môn học, nhà trường cần có chiến lược bồi dưỡng năng lực thiết kế bài dạy cho GV theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT một cách thường xuyên và thực chất; hoàn thiện quy trình phản hồi - cải tiến KHBD, đồng thời đầu tư ổn định hạ tầng công nghệ. Chỉ khi khắc phục đồng bộ các yếu tố này, quản lý xây dựng KHBD theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT tại Trường Tiểu học Văn Yên có thể đạt được tính bền vững, hiệu quả và phù hợp với mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục tiểu học hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29 ngày 4/11/2013 về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*. Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 - môn Khoa học*. Hà Nội.
4. Chính phủ. (2017). *Quyết định số 117/QĐTTg ngày 25/01/2017 về việc phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”*. Hà Nội.
5. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc. (2014). *Đại cương khoa học quản lý*. Nxb ĐHQG. Hà Nội.
6. Ngân hàng Thế giới. (2020). *Tài liệu bồi dưỡng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, Mô-đun 4.9, môn Khoa học, (dự án hỗ trợ đổi mới giáo dục phổ thông)*. Hà Nội.

CURRENT STATUS OF MANAGEMENT OF BUILDING SCIENCE LESSON PLANS IN THE DIRECTION OF ENHANCED APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY AT VAN YEN PRIMARY SCHOOL, HA DONG WARD, HANOI CITY

Summary: *Managing the development of Science lesson plans in the direction of enhancing the application of information technology in primary schools in the context of current educational innovation and digital transformation is an important management activity and has become an inevitable requirement, contributing to improving the quality of teaching and learning the subject, aiming to develop learners' capacity. The results of a survey on the current status of managing the development of Science lesson plans in the direction of enhancing the application of information technology at Van Yen Primary School, Ha Dong Ward, Hanoi City in terms of planning, organization, direction, inspection and evaluation show that the implementation activities are at a fairly good level. This situation is an important practical basis for the school to propose a number of management measures to improve the quality of teaching and learning the subject, contributing significantly to the implementation of the 2018 general education curriculum.*

Keywords: *Science major; management; lesson plan development; application of information technology.*